

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

FLUX S3S MID

FLUXS3SMID

Giày S3S c ổ **trung** nh ệ j **mái và không** oạ chứa **kim** l

Giày bảo h ộ FLUX S3S MID c ổ trung trên thoáng khí, ch ố n g thấm nubuck t gi ữ ợn g nh ẹ , không chứa gì l ghiệ p nh ẹ .

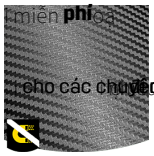
ành công kim

Những vật liệu cao cấp hơn	TPU-nubuck t
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, SC, FO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng thép	0.568 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK

CO_2 8.93 kg



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



(SR) Chống t
dây SRA&SRB&SRC. SR có nghĩa là phép thử ệ thống. SR có thể thực hiện tiên xà phòng và dầ



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



mũi Đ chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c mang thoải mái lâu hơn.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l

Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, Ngành công n ghiệ p , Xây dự n g, Biên tcầập , Thợ ốcướ ảm &, Làm ăn uố n g

ường: **Môi** t

rư ờn g **môi khô,** Bề mặt cự c mịn , b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Dang giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hầ nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **TPU, nubuck** tợp **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	2.3 ờ mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ h ơ	? 15	19.9 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** h ế ớ		
	L ớp **lót:** ấm ớ h ơ	? 2	49.8 ờ mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ h ơ	? 20	398.8 mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ Memory Foam**		
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**		
	Ch ố n ả ợ mài mòn ế ngoài (	? 150	40.9 mm
	Chư ố ợ trơ ợ bản - Ceramic + NaLS - Trư ợ **gót** v ề phía t	? 0.31	0.49 ma sát
	rư Cột ố ợ bản - G ố m + NaLS - Trư ợ lùi v ề phía t	? 0.36	0.48 ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ **gót** phía t	? 0.19	0.30 ma sát
	Chư ố ợ trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ v ề phía t	? 0.22	0.25 ma sát
	rị ch ố t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	18.7 megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	5.2 megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20	30 J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5 mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO#** hát thả		
	V ật l iệu	6.65 kg
	Bao bì	0.13 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		8.93 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	11%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:

rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán